QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA TRONG NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI CHÂU ÂU TỪ THẾ KỶ XVII ĐẾN THẾ KỶ XIX QUA NGUỒN SỬ LIỆU TIẾNG ANH ĐƯƠNG THỜI (*)

DƯƠNG HÀ HIẾU*

1. Đặt vấn đề

Từ rất sớm, Biển Đông cùng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã là một phần trong không gian sinh tồn của dân tộc Việt Nam. Trên cơ sở đó, cuối thập niên 20 và đầu thập niên 30 của thế kỷ XVII, chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613 - 1635) đã lập ra Đội Hoàng Sa để thực hiện nhiệm vụ khai chiếm, xác lập và thực thi chủ quyền quốc gia đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Từ đó cho đến trước khi thực dân Pháp xâm lược, các triều đại quân chủ Việt Nam luôn khẳng định chủ quyền của mình và thực hiện khai thác, đo vẽ bản đồ ở hai quần đảo này mà không gặp bất kỳ một sự phản đối nào của các quốc gia trong khu vực. Điều này không chỉ phản ánh trong sử liệu Việt Nam mà còn được phản ánh nhiều trong các tư liệu phương Tây đương thời, trong đó có nguồn tư liệu tiếng Anh. Nội dung của bài viết này tập trung khai thác thông tin từ nguồn tư liệu tiếng Anh nhằm phác họa về sự thay đổi trong nhận thức của người châu Âu đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa với tên gọi là Pracel hoặc Paracels cũng như vấn đề chủ quyền quốc gia đối với hai quần đảo này.

2. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong nhận thức của người châu Âu

2.1. Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII

Ngay đầu thế kỷ XVII, trên tấm bản đồ "*ASIA*" của John Speed, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được vẽ thành một dải chấm đậm nét hình lá cờ đuôi nheo kéo dài từ phía trên cụm đảo Pulo Cabi (Cù Lao Xanh) lên đến ngang vùng biển Đà Nẵng với chú thích là "Pracel". Đến năm 1676, tấm bản đồ này được Thomas Bassett và Richard Chiswell tái bản ở London trong bộ bản đồ của họ (1). Cũng trong năm này, tấm bản đồ "*A map of East India*" của Pieter van den Keere được xuất bản (2). Mặc dù thông tin chỉ dẫn địa lý trên bản đồ này khá sơ sài nhưng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa lại được thể hiện rõ ràng thành một cụm chấm đen ở ngay sát bờ biển duyên hải miền Trung và gọi là "Pracel". Từ cách thể hiện và những thông tin mà các tấm bản đồ cung cấp cho thấy, người Anh nói riêng và người châu Âu nói chung vẫn còn nhận thức rất mơ hồ về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà họ gọi là Pracel.

Trong cuốn du ký về cuộc thám hiểm vòng quanh thế giới, William Dampier đã kể về đoàn thuyền của ông di chuyển vào

*TS. Khoa Khoa học xã hội, Trường Đại học Tây Bắc

Biển Đông và tiếp tục "đi khá gần bãi cạn Pracel và các bãi cạn khác rất nguy hiểm. Chúng tôi rất sợ nhưng đã thoát khỏi cho đến cực nam của bãi cạn Pracel mới nhìn thấy ba đảo cát nhỏ hoặc đốm cát trên mặt biển cách chúng tôi chừng một dặm. Đó là ngày 13 tháng 3 trước khi chúng tôi đến Pulo Condore hay đảo Codore (Côn Đảo)" (3). Sau khi dừng ở Đàng Trong một thời gian, đoàn thuyền đã "đổ đầy nước, đốn gỗ và đưa tàu vào tư thế chuẩn bị, khi gió mạnh thổi qua, chúng tôi đã tận dụng cơ hội đầu tiên để đi về hướng Manila. Theo đó, ngày 4 tháng 6 năm 1687, chúng tôi rời khỏi bãi cạn Pracel" (4). Theo William Dampier, đoàn thám hiểm người Anh rất lo lắng vì đoàn tàu có khả năng sẽ bị "các dòng chảy có thể đánh lừa và đưa chúng tôi đến bãi cạn Pracel ở gần chúng tôi về phía Tây Bắc" (5). Từ đây, một nhóm đoàn thám hiểm người Anh đi đến Manila và nhóm khác tiếp tục men theo bờ biển Đàng Trong di chuyển lên phía Bắc "lái đi về phía Đông giữ theo hướng Nam của Pulo Condore, đó là hướng đi tốt nhất để tránh những bãi cạn của quần đảo Pracel rộng lớn Chúng tôi chạy dọc theo hướng Đông gần bờ Chămpa và đến vùng đất màu mỡ phía Tây Nam của vịnh Tonquin để lại Champa và những bãi cạn nguy hiểm của quần đảo Pracel" (6). Khi đoàn tàu đến Đàng Ngoài, ông nhận xét rằng vịnh Bắc Bộ "dường như được giao với vùng biển lớn của Pracel nằm trải dài trước nó" (7) và "chúng tôi đứng xa về phía Nam nơi có những bãi cạn của Pracel ở trên phía mạn tàu và vùng biển của Cochinchina" (8). Trên bản đồ hải trình "*A Map of the East Indies*" của Dampier, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được vẽ giống như một lưỡi dao nằm ven bờ biển Đàng Trong với chú thích là "Shoals of Pracel". Từ điểm đảo Côn Đảo, ông vẽ hai tuyến di chuyển qua Biển Đông gồm một tuyến đi đến Manila (Philippines) và một tuyến di chuyển sát dọc bờ biển Cochinchina đến vùng vịnh Bắc Bộ (9). Như vậy, để tránh quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đầy nguy hiểm án ngữ ngay bên cạnh tuyến hải thương quốc tế Biển Đông, các đoàn tàu buôn châu Âu có thể lựa chọn một trong hai cách là men theo bờ biển Đàng Trong và Đàng Ngoài của Đại Việt, hoặc men theo vùng biển của Malaysia và Philippines.

Sang đầu thế kỷ XVIII, năm 1703, tấm bản đồ "*ASIA*" của Robert Morden đã cung cấp thêm thông tin cho người Anh nói riêng và châu Âu nói chung về các vùng đất của châu Á. Trong tấm bản đồ này, lãnh thổ Việt Nam gồm cả Tonquin và Cochinchina được thể hiện khá chi tiết với nhiều địa danh. Riêng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vẫn thể hiện là một dải chấm sao dày đặc hiện rõ giống như một lưỡi dao nằm sát bờ biển Đàng Trong và gọi là "Sholes of Pracel", tức bãi cạn Pracel. Sự khác biệt với các tấm bản đồ trước là, ở phía trên ngang với Đà Nẵng là một vòng tròn nhỏ trên cùng nằm trong dải Sholes of Pracel được gọi là I. de Pracel (10). Trong trong công trình của Alexander Hamilton, Đàng Trong được mô tả với "bờ biển dài khoảng 700 dặm tính từ dòng sông của Campuchia tới Quambin (Quảng Bình), và nó có nhiều hải cảng tốt rất tiện lợi dù chúng không thường xuyên được những người xa lạ lui tới" (11) cùng các đảo ven bờ có mối liên hệ đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa như "Pullo Jecca de Terra (Cù Lao Câu) nằm ở phía Nam và gần bờ nhất. Hòn đảo này không có người ở và trông giống như những bãi đá của Paracel mà không có cây cối. Tôi vượt một dặm qua đó và nó nằm khoảng một dặm từ bờ biển. Pullo Jecca de Mare (Cù Lao Thu) và tất cả các chuỗi các hòn

đảo trải dài từ cụm đảo nguy hiểm Paracels có vẻ nhiều đá hơn những hòn đảo khác. Pullo Cambir (Cù Lao Xanh) cách bờ biển khoảng 15 hải lý, gần quần đảo Paracel. Hòn đảo đó không có người ở dù khá lớn. Pullo Canton (Cù Lao Ré) nằm gần bờ biển, cũng giống như các đảo của Champello (Cù Lao Chàm) nhưng không nguy hiểm" (12). Đồng thời, ông đã đưa ra cảnh báo "dòng chảy mạnh chạy đến phía Nam trong gió mùa Đông Bắc làm cho các thuyền trưởng phải chú ý để duy trì gần bờ biển Đàng Trong vì sợ bị lái ra quần đảo Paracels, nơi có chuỗi bãi đá nguy hiểm, dài khoảng 130 hải lý, rộng khoảng 15 hải lý và chỉ có một số hòn đảo ở mỗi đầu. Có một số liên dòng giữa những bãi đá nhưng không cho thấy dấu hiệu rõ ràng về mối nguy hiểm; nhưng tôi biết một con tàu của người Anh từ Surat đã vô tình đi qua chúng nhưng không biết và cũng không nhìn thấy mối nguy hiểm của chúng cho đến khi nó đi qua, họ bất ngờ nhìn thấy bờ biển Đàng Trong" (13). Sự nguy hiểm và phức tạp của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã làm cho nhiều tàu thuyền phương Tây bị đắm như sự kiện năm 1690 "một con tàu Bồ Đào Nha đã bị đắm trên một trong những hòn đảo phía Bắc của quần đảo Paracels" (14) và những người may mắn sống sót "đã dựng một túp lều bằng những loại gỗ và ván họ có thể sử dụng cho mục đích đó, và năm 1701, một con tàu trên đường đi Maccao (Ma Cao) đến gần quần đảo không theo ý muốn của họ đã nhìn thấy hình ảnh của một người đàn ông vẫy tay, Tôi đã gặp ông ta vào năm 1703 và đã có bản ghi lại lời của chính ông ta" (15). Ngoài việc mô tả các hòn đảo cùng những cảnh báo về sự biến đổi của dòng hải lưu ven bờ vào mùa gió mùa Đông Bắc để các tàu thuyền phải chú ý cẩn trọng tránh bị cuốn ra xa, Hamilton còn cho thấy mối quan hệ giữa các đảo ven bờ Đàng Trong với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng như mức độ nguy hiểm của những "chuỗi bãi đá" của hai quần đảo này đối với tàu thuyền qua lại. Điều này cho thấy, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong nhận thức của người châu Âu là hoàn toàn thuộc về chủ quyền của Đại Việt lúc bấy giờ.

Đến năm 1732, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tiếp tục hiện diện trên tấm bản đồ số 28 "*A map of the continent of the East-Indies &c*" của Herman Moll. Lãnh thổ của Việt Nam được thể hiện khá rõ ràng gồm cả Tonquin và Cochinchina cùng nhiều địa danh quan trọng lúc bấy giờ. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được vẽ thành một dải chấm dài nằm sát bờ biển gần với bờ biển Đàng Trong, vắt ngang 15^0 vĩ tuyến Bắc và khoảng 110^0 kinh độ Đông với tên gọi "The Shoal of Parcel" với ba cụm đảo nhỏ phân bố đều trong dải và cụm đảo nhỏ nằm phía trên cùng đối diện với Đà Nẵng được ký hiệu là "I. de Parcel". Phía Nam của quần đảo Parcel là các đảo nhỏ Cù Lao Thu (P. de Mar), Cù Lao Câu (P. de Terra), (16). Đến năm 1745, Herman Moll tiếp tục công bố tấm bản đồ có tên là "*A chart of East-Indies*". Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được vẽ thành một dải chấm và chú thích là Shoal of Paracel nằm gần sát vào bờ biển của Cochinchina và kéo dài từ vùng Quinin (Quy Nhơn) lên phía trên của Faifo (Hội An) (17). Trên tấm bản đồ "*A New and Accurate Map of the Empire of the Great Mogul*", Emanuel Bowen cũng thể hiện rõ lãnh thổ của Việt Nam với rất nhiều chú thích địa danh như Kecho (Kẻ Chợ, tức Đông Kinh bấy giờ), Quambin (Quảng Bình), Thuanoa (Thuận Hóa), Faifo (Hội An), Pulo Campelo (Cù Lao Chàm), Pulo Canton (Cù Lao Ré), Quinin (Quy Nhơn), Camorin Bay (Vịnh Cam Ranh),
Từ vịnh Bắc Bộ kéo dài xuống vùng Thuận Hóa được ông đặt tên là "Gulf of

Coquinchina" còn quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vẽ giống hình con cá ngựa với phần lưng sát vào bờ biển của Đàng Trong trong khoảng 13^0 đến 17^0 vĩ tuyến Bắc và 110^0 kinh độ Đông, được chú thích với dòng chữ to đậm nổi bật là "Shoal of Pracel" (18). Từ các tấm bản đồ cho thấy, trong nhận thức của người châu Âu, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc sự quản lý của Đàng Trong, hoặc chí ít thì chúng phụ thuộc và ảnh hưởng vào Đàng Trong của Đại Việt lúc bấy giờ và tách bạch hoàn toàn với các quốc gia khác trong khu vực.

Đến năm 1755, công trình "*The History of China, upon the Plan of Mr Rollin's Ancient History*", tiếng Pháp của Rollin được dịch sang tiếng Anh đề cập đến các quốc gia trong đó có cả Đàng Ngoài lẫn Đàng Trong của Đại Việt. Đàng Trong được biết đến là "nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, và theo cha P. Rhodes thì nó trải dài từ vĩ độ mười hai đến mười tám; theo một số người khác thì từ tám đến mười bảy vĩ độ Bắc: nó dài vào khoảng năm trăm dặm, nhưng chiều rộng thì ngắn hơn nhiều " (19), với khoảng năm hoặc sáu tỉnh và có một số thành thị được xây dựng một cách đầy dụng ý còn "kinh đô của vương quốc được gọi là Kehúe (Huế), và là nơi ở của nhà vua" (20). Vùng biển, đảo thuộc sự quản lý của Đàng Trong được phản ánh rằng "có một số cảng biển tốt ở phía Đông, rất dễ dàng tiếp cận có độ sâu 60 sải và một số nơi sâu đến 80 sải thuận lợi cho tàu có thể neo đậu Bờ biển của họ là nơi cung cấp tốt hầu hết các loại cá, đặc biệt là những loại rùa" (21). Riêng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được được nhấn mạnh "đáng chú ý là có nhiều dải đá ngầm nguy hiểm bên bờ biển của họ, mà những người châu Âu gọi là Paracelles" (22) và "các vụ đắm tàu xảy ra thường xuyên đến nỗi mà nhà vua của Cochinchina thấy phải cử một số tàu thuyền vào mùa nhất định trong năm để trục vớt hàng hóa và các bộ phận của xác tàu" (23). Những thông tin này hoàn toàn trùng khớp với nguồn sử liệu Việt Nam ghi chép về sự ra đời và hoạt động của Đội Hoàng Sa từ thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên nhằm thực hiện nhiệm vụ khai chiếm, xác lập và bảo vệ chủ quyền quốc gia đối với hai quần đảo này như Lê Quý Đôn đã đề cập: "Trước họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào, cắt phiên mỗi năm cứ tháng 2 nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn 6 tháng, đi bằng năm chiếc thuyền câu nhỏ, ra biển 3 ngày 3 đêm thì đến đảo ấy. Ở đấy tha hồ bắt chim bắt cá mà ăn. Lấy được hóa vật của tàu, như là gươm ngựa, hoa bạc, tiền bạc, hòn bạc, đồ đồng, khối thiếc, khối chì, súng, ngà voi, sáp ong, đồ sứ, đồ chiên, cùng là kiếm lượm vỏ đồi mồi, vỏ hải ba, hải sâm hột ốc vân rất nhiều" (24). Ông còn chỉ ra "Phủ Quảng Ngãi ở ngoài cửa biển xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn có núi gọi là Cù Lao Ré, phía ngoài nữa lại có đảo Đại Trường Sa, trước kia có nhiều hải vật và những hoá vật của tàu, lập đội Hoàng Sa để lấy, đi 3 ngày 3 đêm thì mới đến, là chỗ gần xứ Bắc Hải" (25). Trong tập bản đồ cổ của Việt Nam là "*Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*" của Đỗ Bá Công Đạo, tấm bản đồ vẽ phủ Thăng Hoa và phủ Quảng Ngãi đã thể hiện Bãi Cát Vàng ở phía ngoài và ghi rõ "Trong biển có một bãi lưỡng sa gọi là Bãi Cát Vàng, dài khoảng 400 dặm, rộng 30 dặm, đứng trơ giữa biển ( ). Họ Nguyễn (tức các Chúa Nguyễn - TG) mỗi năm đến tháng cuối đông đưa 18 chiếc thuyền đến đó (Bãi Cát Vàng -TG) nhặt vàng bạc" (26). Điều này còn được hoà thượng Thích Đại Sán người Trung Quốc khi sang Đàng Trong cho biết "Các Quốc vương thời trước [tức các chúa Nguyễn

trước Nguyễn Phúc Chu (1691-1725)] hàng năm sai thuyền đánh cá đi dọc theo các bãi cát, lượm vàng bạc khí cụ của các thuyền hư hỏng dạt vào" (27). Điều này cho thấy, nhận thức của người châu Âu về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là ngư trường truyền thống và hoàn toàn nằm dưới sự quản lý của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong hoàn toàn trùng khớp với sự phản ánh của các tư liệu Việt Nam thời xưa.

Trong những năm tiếp theo của thế kỷ XVIII, thông tin về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tiếp tục được phổ biến rộng rãi trong các công trình xuất bản ở châu Âu. Trong tập 7 của bộ "*The Modern part of an Universal history from the earliest account of time*" có đoạn giới thiệu về các hòn đảo lớn ven bờ biển Đàng Trong của Đại Việt lúc bấy giờ như Pullo Sicca (gồm hai hòn đảo là Cù Lao Thu và Cù Lao Câu), Publlo Secca de Mare (Cù Lao Thu), Pullo Cambir (Côn Đảo), Pullo Canton (Cù Lao Ré), Cam-Pello (Cù Lao Chàm) (28). Bên cạnh đó, công trình cũng cho biết "Publlo Secca de Mare, một chuỗi các đảo cằn cỗi và đảo đá khác, vươn mình từ những vùng cạn nguy hiểm được gọi là Paracel" (29). Điều này có thể hiểu là, Cù Lao Thu và một số đảo ven bờ khác gần với những vùng cạn nguy hiểm của quần đảo Paracels. Trên tấm bản đồ "*East Indies*" của Thomas Kitchin, lãnh thổ Việt Nam vẫn được thể hiện gồm hai phần là Đàng Ngoài và Đàng Trong. Vùng biển Đàng Ngoài từ Quảng Ninh kéo dài xuống vùng Nghệ An ngày nay được ông đặt tên là "Gulf of Tonquin" một cách chính xác - tức Vịnh Đàng Ngoài chứ không như một số bản đồ trước đó (30). Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được thể hiện với tên gọi "Pracel" với những nhóm đảo nhỏ trong khoảng 12^0 kéo dài lên 17^0 vĩ tuyến Bắc và từ 110^0 đến 111^0 kinh độ Đông (31). Bên cạnh đó, Thomas Kitchin còn có tấm bản đồ "*A Map of the East India Islands*" và về cơ bản, cách thể hiện quần đảo Pracel của ông không khác mấy so với tấm bản đồ trước (32). Đến năm 1774, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tiếp tục xuất hiện trên tấm bản đồ "*A map of Asia*" của Jean Palairet. Trong tấm bản đồ này, biên giới của Trung Quốc cùng đảo Hải Nam được phân biệt rạch ròi với toàn bộ vùng Đông Nam Á lục địa trong đó có Đại Việt gồm Tonkin và Cochinchina. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được vẽ thành một dải gọi là "Pracel" trải dài ngoài Biển Đông đối diện với Turon (Đà Nẵng) đến Chiampa, vào khoảng vùng Bình Thuận ngày nay. Trong dải Pracel là các cụm đảo nhỏ nhưng chưa xuất hiện tên gọi cụ thể (33). Trong những năm 1768 - 1783, bộ Bách khoa thư "*Encylopedia Britannica*" bắt đầu được biên soạn và xuất bản với số lượng lên đến 10 tập. Trong tập ba, các tác giả đã mô tả về Cochinchina "là một vương quốc của châu Á, phía Bắc giáp Đàng Ngoài, phía Đông giáp biển Trung Quốc, ở phía Nam giám với Ấn Độ Dương, ở phía Tây giáp với Campuchia " (34), và "trong 6 đời chúa đầu tiên của triều đại này, không có người dân quốc gia nào có thể hạnh phúc hơn Đàng Trong,.." (35). Tuy nhiên chỉ hơn 1 thế kỷ, chúa Nguyễn đã "bắt đầu coi thường lối sống giản dị của tổ tiên và xây dựng những cung điện rộng lớn hậu quả là vùng đất của họ trở nên hoang tàn hơn" (36). Đặc điểm của vùng biển Đàng Trong cũng được mô tả khá cụ thể "khi gió mùa phía Tây thổi từ tháng 4 đến tháng 8, các dòng chảy chuyển động về hướng Đông; nhưng phần còn lại của năm chúng di chuyển về phía Tây; gió mùa kết hợp với chuyển động của chúng. Các dòng hải lưu rất mạnh ở vùng biển này, đến nỗi những người thủy thủ thiếu kinh nghiệm nhầm chúng với những con sóng đập vào

bãi đá, thường được biết đến với cái tên là những con sóng vỗ bờ" (37). Và từ tháng 10 cho đến tháng 12, "các dòng hải lưu hướng về phía Tây Bắc và từ tháng 1 chúng di chuyển về phía Tây Nam, khi chúng di chuyển với tốc độ nhanh đến các bãi cạn Paracel, cảm giác chúng có vẻ mạnh mẽ hơn một mũi tên" (38). Đây là lần đầu tiên, chế độ thủy văn của vùng Biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về Cochinchina được mô tả khá chi tiết nhằm chỉ dẫn cho sự di chuyển của tàu thuyền trên tuyến hải thương quốc tế Biển Đông.

Trong 20 năm cuối của thế kỷ XVIII, hàng loạt các bản đồ bằng tiếng Anh đã được xuất bản tại London, điển hình như tấm bản đồ có tên "*A New & Accurate Map of Asia*" của Thomas Bowen. Trong bản đồ này, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vẫn được vẽ thành một dải gồm các dấu gạch chéo chạy sát bờ biển của Cochinchina được gọi là "Pracel" và kéo dài song song với đường bờ biển Đàng Trong từ vùng Bình Thuận ngày nay lên đến phía trên của vùng biển Faifo (Hội An), dọc theo khoảng 110^0 kinh độ Đông (39). Còn trên bản đồ "*Asia from the best Authorities*" của Gutherie, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được vẽ chạy dọc theo bờ biển Đàng Trong ở khoảng 110^0 kinh độ Đông và vắt ngang 15^0 vĩ tuyến Bắc với tên gọi Paracels (40). Đáng lưu ý nhất là tấm bản đồ "*A New General Map of the East Indies*" do Robert Laurie và James Whittle thực hiện với các quốc gia được thể hiện qua màu sắc đậm nhạt khác nhau kèm theo nhiều thông tin chỉ dẫn địa lý. Việt Nam được phân chia khá rõ thành hai vùng Tonkin và Cochinchina với một đường kẻ rãnh như một giao thông hào ở vùng eo nhỏ nhất của tỉnh Quảng Bình gọi là "A Wall to defend Cochinchina". Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên tấm bản đồ này vẫn gọi là "Paracel" chạy dọc theo bờ biển của Đàng Trong và trải đều trên vĩ tuyến 15^0 Bắc nhưng xuất hiện hai cụm đảo phân tách khá rõ nét tập trung ở phía Bắc và phía Nam. Trong đó, một nhóm đảo nhỏ của cụm đảo phía Bắc của "Paracel" được chú thích là "Northern Islands", tức cụm đảo Đá Bắc ngày nay (41). Đến năm 1795, tấm bản đồ "*A general map of the East*" của Thomas Kitchin cũng tiếp tục được tái bản với thông tin không có gì thay đổi với bản đồ trước của ông (42). Vào những năm cuối của thế kỷ XVIII, phái đoàn ngoại giao Anh lần đầu do Macartney (43) làm trưởng đoàn đến Trung Quốc và có khoảng thời gian dừng chân ở Đà Nẵng. Chuyến đi này sau được George Staunton (44) tập hợp các ghi chép, báo cáo để biên soạn thành sách xuất bản ngày 12 tháng 10 năm 1797. Theo đó, ngày 20 tháng 5, phái đoàn Anh di chuyển đến vùng Biển Đông và "lúc này đã bám sát vào vương quốc Đàng Trong, hành trình nằm giữa một bên là bờ biển và một bên là các đảo đá, đảo nhỏ gọi là Paracels, nằm về phía Bắc và phía Nam trong khoảng gần 400 dặm" (45). Ngay sau đó, công trình này đã được biên tập và xuất bản với tên gọi khác nhưng những thông tin về Cochinchina vẫn được giữ nguyên (46).

Đến năm 1799, hai tấm bản đồ là "*Asia with its islands and different regions*" (47) và "*Asia and its islands according to D'Anville*" (48) của Robert Laurie và James Whittle xuất bản. Kế thừa thành quả từ tấm bản đồ "*A New General Map of the East Indies*" trước đó, hai tấm bản đồ này phân chia Tonkin và Cochinchina bằng một đường kẻ rãnh ở vùng Quảng Bình và chú thích ngắn gọn là "Wall" và thể hiện các đô thị, các đảo của Việt Nam kèm tên gọi rõ ràng. Khác với các bản đồ trước, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được thể hiện thành hai quần đảo riêng

biệt trải dài và gần sát bờ biển của Đàng Trong, từ vùng biển Thuận Hóa cho đến Bình Thuận, đồng thời nằm giữa 15^0 vĩ tuyến Bắc với dòng chữ Paracel phân chia hai quần đảo thành hai phần ở phía Bắc và phía Nam. Cũng trên quần đảo này có một vòng chấm nhỏ nằm về phía Đông của quần đảo Paracel phía trên 15^0 vĩ độ Bắc với tên gọi Macclesfield Shoal, tức bãi ngầm Macclesfield.

Như vậy, thông qua sự phản ánh liên tục về Cochinchina và quần đảo Paracel ở thế kỷ XVII-XVIII, nhận thức của người châu Âu ngày càng trở nên rõ ràng về tuyến hải thương quốc tế Biển Đông. Trong con mắt của họ, vùng biển đảo của quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thuộc về Đàng Trong đồng thời là ngư trường truyền thống của các ngư dân Việt Nam. Tuy nhiên, đây vẫn là vùng biển nổi tiếng nguy hiểm buộc các nhà hàng hải phải di chuyển cẩn trọng và tốt nhất là bám theo bờ biển của Đàng Trong.

2.2. Trong thế kỷ XIX

Đến đầu thế kỷ XIX, những mô tả về quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam tiếp tục được phản ánh ngày càng cụ thể và rõ ràng hơn trong các tài liệu của phương Tây. Ngay năm 1800, khi đề cập đến Đàng Trong, Thomas Pennant khẳng định rằng "Ngoài khơi của Đàng Trong là quần đảo Paracels, một vùng rộng lớn với đá, rạn san hô, đụn cát và các hòn đảo nhỏ trải dài từ Bắc vào Nam từ $12^0$10' đến $16^0$45' vĩ tuyến Bắc với khoảng 276 dặm dài và 50 dặm ngang. Về phía Đông Bắc của cực Bắc là một nhóm các rạn đá và san hô nhỏ được gọi là Triangles và chếch một chút về phía Đông Nam của nó là một tập hợp những vùng lớn có hình dạng bất thường được gọi là bãi ngầm Macclesfield" (49). Ông cũng mô tả phía trên của nhóm Triangles (nhóm tam giác) là vùng nước trong và sâu với "khoảng 130 dặm từ cực gần nhất của Paracels; đây chính là không gian phổ biến mà các tàu của chúng ta đi đến Trung Quốc; họ đi giữa bờ biển của Đàng Trong và quần đảo Paracels đến khi họ nhìn thấy hòn đảo Campellos (Cù Lao Chàm) ở vĩ độ $16^0$10'" (50). Như vậy, dưới sự mô tả của Thomas Pennant, tọa độ quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được định vị khá cụ thể bao gồm chỉ dẫn tuyến di chuyển an toàn nhất khi qua Biển Đông. Đặc biệt, toàn bộ những thông tin về quần đảo Paracels nằm hoàn toàn ở trong phần viết về Cochinchina đã cho thấy nhận thức rất rõ ràng của phương Tây về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa lúc bấy giờ. Điều này tiếp tục được thể hiện rõ trên tấm bản đồ số 28 "*A New and Accurate Map of the Islands and Channels between China and New Holland*" của Thomas Brown được xuất bản năm 1801 và tái bản năm 1808 với trọng tâm là toàn bộ khu vực Đông Nam Á cùng một phần của châu Úc với tên gọi là New Holland. Việt Nam trên bản đồ vẫn gồm hai phần là Tonquin và Cochinchina cùng hàng loạt địa danh từ Bắc xuống Nam. Từ vùng biển của Turon (Đà Nẵng) kéo xuống đến vùng vịnh Nha Trang ngày nay là quần đảo Paracels trải đều trong khoảng giữa 110^0 kinh độ Đông và 15^0 vĩ tuyến Bắc. Gần quần đảo Paracels về phía Đông Bắc là một số cụm chấm nhỏ được gọi là Triangles và Lincoln (Đảo Linh Côn thuộc nhóm đảo An Vĩnh ngày nay), Maccelsfield Shoal (Bãi cạn Maccelsfield) và Scarboro Shoal (Bãi cạn Scarborough). Khác với bản đồ trước, ngang với vùng biển Khánh Hòa đến vùng biển Bình Thuận là các chấm nhỏ được gọi bằng các tên khác nhau trong đó có Đá Phật Tự (Hardy) thuộc quần đảo Trường Sa ngày

nay (51). Sự thể hiện Paracels sát với lãnh thổ Việt Nam và rạch ròi với các quốc gia Đông Nam Á hải đảo cho thấy nhận thức của các quốc gia phương Tây một cách rõ ràng về quần đảo này thuộc về Việt Nam.

Hàng loạt công trình địa lý, du ký xuất bản bằng tiếng Anh trong những năm đầu của thế kỷ XIX đề cập đến quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bổ sung cho các chỉ dẫn địa lý của các tấm bản đồ trước đó và càng cho thấy tầm quan trọng của hai quần đảo này trong nhận thức của phương Tây đối với tuyến hải thương quốc tế đi qua vùng Biển Đông. Năm 1804, trong công trình của mình, Pinkerton và Vince đã viết "Quần đảo Paracels được tạo thành từ một chuỗi dài các hòn đảo nhỏ với đá và bãi cát ngầm, song song với bờ biển của Cochinchina" (52). Thông tin này vẫn tiếp tục được giữ nguyên trong công trình của hai tác giả trong tác phẩm xuất bản sau đó (53) mà không có sự mô tả bổ sung thêm.

Đến năm 1806, John Barrow - một thành viên của đoàn đi sứ của Anh trong những năm 1792 - 1794 do Geogre Macartney dẫn đầu sau khi trở về đã xuất bản cuốn nhật ký hành trình bổ sung thêm nhiều kiến thức mới dựa trên những thông tin thu thập được. Ông cho biết cụ thể rằng, trên đường đến Trung Quốc, phái đoàn Anh đã dừng chân ở Đà Nẵng từ ngày 24 tháng 5 đến ngày 16 tháng 6 năm 1793. Trong quá trình quan sát và thu lượm thông tin từ người dân bản địa, ông nhận thấy các loại thuyền mà cư dân Đàng Trong dùng để buôn bán và đánh bắt hải sản có loại thuyền nhìn giống như thuyền tam bản (Sampans) của Trung Quốc và một loại thuyền giống như của ngư dân Mã Lai. Bên cạnh hoạt động đánh bắt hải sản, ngư dân Đàng Trong còn "thu lượm hải sâm và tổ yến trong các cụm đảo được gọi là Paracels"(54) và chỉ ra "yến sào được thu thập rất nhiều và phong phú trên các đảo lớn chạy song song với bờ biển, và được biết đến trên hải đồ với tên gọi Paracels; Bichos do Mar (hải sâm - TG), hoặc rắn biển hoặc đúng hơn là sên biển, và thường được gọi là Trepan (trong tiếng Malaysia cũng có nghĩa là hải sâm - TG) trong ngôn ngữ thương mại, cùng với vây cá mập, hay mỡ cá voi biển, và hải sản khác dạng mềm " (55). Như vậy đến thời điểm này, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tiếp tục được ghi nhận là ngư trường đánh bắt hải sản truyền thống của ngư dân Đàng Trong. Tuy nhiên, phản ánh của John Barrow có điểm hoàn toàn khác so với các tư liệu tiếng Anh và ngay trong tư liệu Việt Nam đương thời, đó là các ngư dân Việt Nam ngoài đánh bắt hải sản còn có yến sào được cho là từ quần đảo Paracels. Đây là một sự nhầm lẫn bởi vì ngay trong các tư liệu Việt Nam thời phong kiến phản ánh về hoạt động thu lượm sản vật và hóa vật từ các con tàu đắm của Đội Hoàng Sa ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đều không nhắc đến tổ yến (56). Đến năm 1926, Viện Hải dương học Đông Dương của Pháp đã tiến hành một cuộc khảo sát điều kiện tự nhiên và nguồn lợi sinh vật, kết hợp với việc đánh cá ở Biển Đông, bao gồm 2 quần đảo Paracels, Spratly công bố vào năm 1930 cũng cho thấy không có tổ yến và chim yến ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (57). Chi tiết nhầm lẫn này được nhắc lại trong công trình của Taylor (58) khi trích lại thông tin mà John Barrow cung cấp trước đó.

Đến năm 1810, những mô tả về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tiếp tục xuất hiện ở tập 4 của bộ "*Encyclopaedia Londinensis*" khi đề cập về tình hình Cochinchina. Theo đó, "trong khoảng giữa bờ của nó có vô số các hòn đảo nhỏ và đá được gọi là quần đảo Paracels, đã hình

thành một cụm kéo dài nằm ở phía Bắc và phía Nam gần 400 dặm, không phải là không có nhiều nguy hiểm và cần phải thận trọng hơn nhiều để bảo vệ và chống lại ảnh hưởng của các dòng chảy hướng về những tảng đá yên tĩnh" (59). Theo James Playfair phản ánh, Đàng Trong có 12 tỉnh và "dọc bờ biển có nhiều hải cảng với vị trí thuận lợi cho giao thương" (60) và quần đảo Paracels nằm "về phía Đông, gần bờ biển, ở 15^0 vĩ tuyến Bắc là một chuỗi các hòn đảo nhỏ, các bãi đá hoặc bãi cạn, được gọi là quần đảo Paracels, khoảng 100 hải lý từ Bắc vào Nam, và chiều rộng khoảng 15 hải lý; xa hơn nữa là một nhóm bãi cạn gọi là Lunettes ở gần 17^0 vĩ tuyến Bắc" (61).

Những năm sau đó, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tiếp tục xuất hiện trên bản đồ "*Asia according to the best authorities*" của Carey Mathew nhưng khá đơn giản với một dải chấm nằm gần sát với bờ biển Đàng Trong định danh là Paracels. Ngay phía Đông Bắc cạnh quần đảo Paracels là một cụm chấm nhỏ với chú thích là The Lunets (62). Mặc dù vậy, xét tổng thể bố cục, quần đảo Paracels được thể hiện rõ ràng có phần nổi trội như một điểm nhấn mạnh mẽ trên bản đồ. Đến bản đồ "*ASIA*" của John Pinkerton, lãnh thổ nước ta lúc ấy được phân biệt rành mạch với toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc bao gồm cả đảo Hải Nam (Isle of Hai-Nan) bằng đường viền biên giới được tô màu. Quần đảo Hoàng Sa trên bản đồ này được vẽ thành một số cụm đảo nằm phía ngoài bờ biển Việt Nam vắt ngang 15^0 vĩ tuyến Bắc và trong khoảng từ 110^0 đến 112^0 kinh độ Đông với ký kiệu "I. Pracels", tức đảo Hoàng Sa. Ngoài ra, một số bãi cạn, rạn san hô ngầm khác cũng được chú thích ngay gần I. Pracles là Paracels Bank (Bãi ngầm Hoàng Sa), Macclefield Bank (Bãi cạn Macclefield), Scarborough Shoat (Bãi cạn Scarborough). Từ 10^0 đến 15^0 vĩ tuyến Bắc và 110^0 đến 115^0 kinh độ Đông là hàng loạt các rạn san hô, bãi đá ngầm, hòn đảo đã được đặt tên như Low Sandy, Falmouth, Breckers, Isle seen by the Carmel, Middleburg, Gaspar Shoal, (63). Sự phân biệt này cho thấy, trong nhận thức chung của phương Tây lúc bấy giờ, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm ngay ngoài khơi vùng biển miền Trung thuộc về Việt Nam lúc bấy giờ và không hề dính dáng gì đến Trung Quốc. Điểm nhấn ở bản đồ này là, quần đảo Trường Sa chưa có tên quốc tế là Spratly Islands như ngày nay nhưng đã xuất hiện một số thực thể tách bạch rõ ràng với quần đảo Hoàng Sa.

Theo mô tả của John White, từ ngày 18 đến ngày 26 tháng 6 (năm 1819 - TG), khi tàu của ông đến vùng biển của Cochinchina "di chuyển dọc bờ biển về phía Nam, chúng tôi xác định sẽ đón gió để vượt khơi qua nhóm đảo và bãi cạn được gọi là Paracels,... Và ngày sau đó, khi đến 14^0 vĩ tuyến Bắc trong khoảng gần Quy Nhơn, chúng tôi khởi hành từ vùng biển của Cochinchina định hình lộ trình đến Luconia (cụm bãi cạn Luconia - TG)" (64). Ông mô tả "Quần đảo Paracels, như vừa đề cập, đã từ xưa và chắc chắn cho đến rất gần đây được coi là nỗi khiếp sợ của các nhà hàng hải, được miêu tả như một dải liên tục những hòn đảo thấp, rạn san hô và bãi cát, trải dài từ 12^0 đến 17^0 vĩ tuyến Bắc theo hướng Bắc - Đông Bắc và Nam - Tây Nam, hợp thành một hình dạng tưởng tượng giống như bàn chân (mà ngón cái của bàn chân này thì ở đầu cực Nam), và cách bờ biển Đàng Trong khoảng 16 dặm" (65). Ông cũng cho biết, chỗ rộng nhất của quần đảo Paracels ở khoảng 16^0 vĩ độ Bắc với khoảng 30 dặm và "quần đảo này trước đây đã làm cho người ta tưởng tượng ra rất nhiều về khoảng rộng khủng khiếp, về độ dài rộng to lớn ngoài

sức tưởng tượng của nó cũng như tính chất đầy kinh hãi của nó, thì ngày nay đã được xác định một cách chắc chắn như một nhóm các hòn đảo nhỏ và rạn san hô, thực sự không đến nỗi quá rộng lớn, với những tuyến đi tốt và khá an toàn giữa những hòn đảo đó, và nhiều nơi tốt để neo đậu cho tàu thuyền. Chúng nằm giữa $15^0$46' và $17^0$6' vĩ độ Bắc; và từ $111^0$121-2' đến $112^0$42' kinh độ Đông" (66). Và đến rạng sáng ngày 25 tháng 6, đoàn thuyền của John White đã đi vào "một vùng biển xanh trong và sâu thẳm không dò được, ở đó, trong những hải đồ cổ ngày xưa đã được đánh dấu rất nhiều bãi đá và bãi cạn rải rác lộn xộn. Những cuộc điều tra, thám sát và nghiên cứu gần đây ở vùng biển này của Trung úy Ross và Trung úy Maughan thuộc hải quân Bombay với hai tàu là Discovery và Investigator, đã lập được nhiều bản hải đồ chính xác cùng các thông tin hữu ích, theo đó tuyến đường biển này thực ra có phần ít gay go và nguy hiểm hơn" (67). Từ những mô tả của John White về quá trình di chuyển đến vùng biển Đàng Trong và tiếp xúc với quần đảo Paracels chúng không còn là nỗi ám ảnh về mức độ nguy hiểm khủng khiếp trong nhận thức của người châu Âu như trước. Đặc biệt là sau cuộc thám sát, đo đạc của tàu Discovery và Investigator thuộc hải quân Bombay, người ta đã lập được các tấm hải đồ chính xác về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên Biển Đông. Điều này làm cho nhận thức của người châu Âu về tuyến đường hải thương quốc tế đi qua vùng Biển Đông trở nên ít nguy hiểm hơn trước và quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa được khẳng định là một phần của vùng biển Cochinchina của Việt Nam lúc bấy giờ.

Trong công trình của mình, Thomas Keith đã mô tả về đường bờ biển của Cochinchina "kéo dài dọc bờ Biển Đông từ Tonquin (Bắc Kỳ) đến Tsiompa (Chămpa) . Quần đảo Paracels và những đảo nhỏ ven bờ biển có rất nhiều tổ yến" (68). Như vậy những thông tin về quần đảo Paracels được đề cập hoàn toàn trong phần mô tả về Cochinchina và có mối liên hệ chặt chẽ với các hòn đảo ven biển. Sự phản ánh này của Thomas Keith cho chúng ta thấy, trong nhận thức của người châu Âu, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa hoàn toàn thuộc về chủ quyền của Việt Nam dưới triều Nguyễn.

Trong công trình "*Universal Geography*" của nhà Địa lý người Pháp nổi tiếng là Malte-Brun được dịch sang tiếng Anh, khi viết về Cochinchina đã cho biết "Pracel hay Paracels, là một mê cung các đảo nhỏ, bãi đá và những vùng nước nông, nơi mà theo các bản đồ được đề cập nhiều nhất, kéo dài song song theo đường bờ biển của Cochinchina, vào khoảng giữa 10^0 54' đến 16^0 30' vĩ độ Bắc, và khoảng 109^0 kinh độ Đông. Nhưng một số nhà hàng hải người Pháp đã đi qua một phần không gian này mà không gặp phải bất kỳ bãi đá hoặc vùng nước nông nào, do đó chúng tôi kết luận rằng quần đảo này trên thực tế không rộng như nó được thể hiện trên các bản đồ của chúng ta" (69). Những ghi chép về Cochinchina cũng như quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Malte-Brun tiếp tục được phản ánh trong bộ "*A System of Universal Geography*" được xuất bản vào vài năm sau đó nhưng không bổ sung thêm thông tin gì mới (70). Đến năm 1832, David Brewster tiếp tục ghi nhận rằng "các đảo chạy dọc với bờ biển của Cochinchina, và được biết đến trong các bản đồ với cái tên là quần đảo Paracels" (71). Đồng thời, ông cũng phản ánh về sản vật mà các ngư dân Việt Nam thu lượm từ biển là hải sâm và đặc biệt là tổ của loài chim yến ở các đảo ven bờ đặc biệt có giá trị xuất khẩu lúc bấy giờ.

Ở Việt Nam, năm 1831 - 1832, vua Minh Mạng đã tiến hành những cải cách quan trọng về tổ chức hệ thống hành chính cấp địa phương, chia cả nước ra thành 30 tỉnh và một phủ. Tuy nhiên, đa số các bản đồ Anh xuất bản từ năm 1832 về sau vẫn thể hiện lãnh thổ Việt Nam gồm Cochinchina và Tonquin (hoặc Tonkin) như trước và gọi Việt Nam là Anam (An Nam). Điều này thể hiện rất rõ trong tấm bản đồ "ASIA" xuất bản năm 1834 của Henry Teesdale - thành viên của Hiệp hội Địa lý Hoàng gia Anh khi lãnh thổ Việt Nam vẫn gồm vùng Tonquin và Cochinchina cùng hàng loạt các địa danh từ Bắc vào Nam như Goft of Tonquin (Vịnh Bắc Bộ), Toan hoa (Thuận Hóa), Hue (Huế), C. Turon (vịnh Đà Nẵng), Quinho (Quy Nhơn), Phuyen (Phú Yên), Nha Trang, Saigon (Sài Gòn), Trong đó, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa không còn thể hiện như một dải chấm hoặc dải các cụm đảo nhỏ chạy song song sát bờ biển Cochinchina như trước mà đã tách thành hai quần đảo. Ngang với vùng Thuận Hóa xuống Đà Nẵng ở vào khoảng 16^0 vĩ độ Bắc và khoảng 112^0 kinh độ Đông gần giữa Biển Đông là quần đảo Paracels với nhóm đảo Amphitrite I (tức nhóm đảo An Vĩnh ngày nay). Vùng quần đảo Trường Sa ngày nay đã xuất hiện một cụm điểm chấm nhỏ nằm ở khoảng 12^0 vĩ độ Bắc và 114^0 kinh độ Đông với chỉ dẫn địa lý là N^{th} Wesst I (tức North West Islands) chính là cụm đảo Song Tử gồm đảo Song Tử Đông và đảo Song Tử Tây ngày nay; Sandy I (tức Sandy Islands) gồm một cụm chấm nhỏ nằm ngay trên vĩ độ 10^0 Bắc và khoảng 114^0 kinh độ Đông mà Việt Nam gọi là đá Tri Lễ (tên quốc tế là Sandy Cay) thuộc cụm đảo Thị Tứ ngày nay (72). Tên gọi quốc tế của quần đảo Trường Sa chưa xuất hiện nhưng đã có cụm đảo Song Tử, đá Tri Lễ trong cụm đảo Thị Tứ với kinh độ và vĩ độ gần chính xác so với ngày nay. Từ đó cho thấy, người châu Âu đã nhận thức một cách rõ ràng và chính xác về quần đảo Paracels theo cách gọi truyền thống là hai quần đảo riêng biệt là Hoàng Sa và Trường Sa. Những hiểu biết về quần đảo Paracels còn được thể hiện rõ ràng hơn trong công trình "*India Directory*" của James Horsburgh xuất bản năm 1836. Công trình này được đánh giá là một công trình chuẩn mực về hàng hải phương Đông lúc bấy giờ và lần đầu tiên toàn bộ các mô tả về biển đảo của Việt Nam được trình bày một cách kỹ lưỡng. Đặc biệt, James Horsburgh dành hẳn mục "Paracels, and Banks or Dangers in the Northern par of the China Sea" để trình bày các thực thể thuộc quần đảo Hoàng Sa. Theo đó, công trình mô tả "dọc theo bờ biển của Campuchia, từ đảo Oby đến mũi Cape Pandaran (mũi Dinh), dòng chảy chủ yếu theo hướng Đông - Đông Bắc, song song với bờ biển, từ tháng 3 đến giữa tháng 10; và trong suốt thời gian này các dòng chảy thường ở về phía Đông của bờ biển Malaysia, từ trung tâm của eo biển Singapore đến vịnh Siam. Về phía bắc của mũi Padaran, có rất ít dòng chảy hướng Tây Nam, gần bờ biển của Cochinchina. Vì từ đó đến vùng vịnh Bắc Kỳ, đôi khi xuất hiện một luồng chảy theo hướng Tây Bắc về phía Bắc và hướng Tây Nam về phía Nam, trong vùng lân cận của quần đảo Paracels, hoặc nơi có những cơn gió giật và dòng chảy chạy xiên ngược gió tạo nên một vùng biển cao đầy sóng gió" (73). Ông cũng lưu ý rằng, các tàu thuyền khi di chuyển trên tuyến hải thương quốc tế Biển Đông cần phải biết "sức mạnh của gió mùa Tây Nam vào tháng 6 đến tháng 8, không được di chuyển xa bờ biển của Cochinchina cho đến khi vượt qua khỏi Pulo Canton (Cù Lao Ré), nên lái tàu lên phía Bắc và về phía Nam của đảo Hải Nam để tránh bị đẩy ra gần cực Tây Nam của quần đảo Paracels trong trường hợp có bão Tây Nam thổi từ

Vịnh Bắc Bộ thường thấy vào tháng 6 và tháng 7" (74).

Riêng với quần đảo Hoàng Sa, James Horsburgh chỉ rõ "trước đây được mô tả là một bãi ngầm rộng lớn và liên tục, xen kẽ giữa các nhóm đảo lớn và nhỏ, trải dài từ Bắc tới Nam từ 12^0 vĩ độ Bắc tới khoảng 16^0 hoặc 17^0 vĩ độ Bắc, với phần gần nhất của nó trong khoảng 15 đến 20 hải lý từ bờ biển của Cochinchina. Những bãi cát ngầm và các đảo khác, được gọi là Amphitrite, Lincoln,... nằm khoảng 3^0 xa hơn nữa về phía Tây, có một khoảng không rộng lớn giữa chúng và bãi ngầm trước đây; nhưng hiện nay chắc chắn là, tất cả những nơi nguy hiểm này hình thành nên một quần đảo, bao gồm những bãi cát ngầm và các đảo thấp không cách xa nhau nhiều" (75). Các thực thể của nhóm đảo phía Đông có tên là Amphitrite (nhóm đảo An Vĩnh) và nhóm đảo phía Tây Crescent Chain (còn gọi là nhóm Lưỡi Liềm, Trăng Khuyết hoặc Nguyệt Thiềm) của quần đảo Hoàng Sa được mô tả kỹ lưỡng từ vị trí địa lý, đặc điểm thủy văn, mức độ nông sâu và nguy hiểm, khả năng neo đậu của tàu thuyền cũng như mối quan hệ của từng hòn đảo với các thực thể khác gần đó, thậm chí là khoảng cách của chúng với các đảo ven bờ của Việt Nam. Các đảo như North Shoal (Đảo Đá Bắc) ở cực Tây Bắc của quần đảo Paracels (76); Amphitrite (nhóm đảo An Vĩnh) được hình thành từ 5 hòn đảo nhỏ và thấp nối với nhau bởi một bãi đá ngầm (77) và ở phía Bắc không sâu nhưng có chỗ thả neo tốt ở phía Đông Nam (78); Woody Island (Đảo Phú Lâm) bao phủ bởi cây cối (79); Rocky Island (Đảo Đá) gần với bãi đá ngầm Woody Island có vùng nước sâu, nơi tàu thuyền có thể neo đậu (80); Lincoln Island (Đảo Linh Côn) thấp được phủ bởi những bụi cây nhỏ và có một nguồn nước tinh khiết, thuộc cực Đông của quần đảo Paracels (81); Pyramid Rock (Hòn Tháp) nằm về phía Tây Nam của đảo Linh Côn khoảng 6 dặm (82); Bombay's Shoal (Bãi cạn Bông Bay, ngày nay gọi là Đá Bông Bay với tên quốc tế là Bongbay Reef) nơi mà cùng với những vùng nguy hiểm khác hình thành nên đường viền phía Tây của quần đảo Paracels (83); Crescent Chain (nhóm Nguyệt Thiềm, còn gọi là nhóm Lưỡi Liềm, Trăng Khuyết) được ông mô tả gồm các đảo Money (Đảo Quang ảnh), Robert (Đảo Hữu Nhật), Pattle (Đảo Hoàng Sa), Drummon (Đảo Duy Mộng) và Duncan (Đảo Quang Hòa) nối với nhau theo hướng Đông và Tây hình lưỡi liềm (84); Observation Bank (Bãi Xà Cừ) nằm ở phía Bắc của nhóm Crescent (85); Discovery Shoal hay Reef (bãi rạn Đá Lồi) có hình dạng oval kéo dài (86); Vulador's Shoal (Đá Chim én) trải dài khoảng 7 dặm có một bãi đá dạng xoắn ốc nổi trên mặt nước (87); Passo Keal (tên quốc tế ngày nay là Passu Keal, tức Đảo Bạch Quy) nằm về phía Nam của Discovery (88); Triton Island (Đảo Tri Tôn) được xem là vùng nguy hiểm đầu cực Tây Nam của quần đảo Paracels, và nó nằm về phía Đông Bắc của Pulo Canton (Cù Lao Ré), nơi gần nhất của Cochinchina (89); ở Crescent Chain, và một vài chuỗi khác của các bãi ngầm của quần đảo Paracels có thủy triều đều đặn trong suốt mùa xuân, dòng chảy khá mạnh trước khi có các đợt gió mùa (90); Macclesfield Bank (Bãi cạn Macclesfield) được phát hiện bởi con tàu Anh mang tên này vào năm 1701 là một bãi rộng hơn thường được nghĩ (91) và được đặt tên con tàu mà Alexander Hamilton đã từng mô tả (92); Scarborough Shoal (Bãi cạn Scarborough) là một bãi đá nguy hiểm (93). Đồng thời, như phần giới thiệu về quần đảo Hoàng Sa đã cho thấy, trong con mắt của người châu Âu, quần đảo Paracels có mối liên hệ chặt chẽ với lãnh

thổ Việt Nam, thuộc về vùng biển đảo của Việt Nam lúc bấy giờ.

Trên bản đồ "*ASIA*" số 27 của John Arrowsmith, thành viên của Hiệp hội Địa lý Hoàng gia Anh đã thể hiện rất rõ nét về Việt Nam với tên gọi là Anam gồm cả Tonquin và Cochinchina cùng quần đảo Paracels với các địa danh như Robert I (Đảo Hữu Nhật), Tritons I (Đảo Tri Tôn), Amphitrite I (nhóm đảo An Vĩnh), Lincoln I (Đảo Linh Côn), Bombay Sh (Bãi cạn Bông Bay), (bãi cạn Macclesfield) và Scarborough Shoal (Bãi cạn Scarborough) nằm phía trên của 15^0 vĩ độ Bắc trong khoảng 110^0 đến 115^0 kinh độ Đông (94). Đặc biệt là, quần đảo Trường Sa trên bản đồ này đã được thể hiện gồm nhiều thực thể bằng các dấu cộng nhỏ trải dài trên một không gian rộng lớn giữa Biển Đông tách biệt hoàn toàn với quần đảo Hoàng Sa. Trong đó, một số thực thể quần đảo này bước đầu xuất hiện các địa danh chỉ dẫn như cụm đảo Two I (tức cụm Song Tử ngày nay) gồm N.W Island (tức đảo Song Tử Tây) và South I (đảo Song Tử Đông), Ganges (Núi Đá Trời), Inverstigator (Bãi Phù Mỹ), Cornwallis S.Sh (Cornwallis South Shoal, tức Đá Núi Le), Inverstigator (Bãi Thám hiểm), London Shoals (cụm Trường Sa), Amboina (đảo An Bang), R. Charlotte (Bãi Charlotte), Louisa (Đá Lousia), (95). Như vậy, tính đến thời điểm này, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa đã tách bạch rõ ràng thành hai quần đảo. Điểm đặc biệt là, tên gọi tiếng Anh của các thực thể thuộc hai quần đảo này hoàn toàn giống với tên gọi quốc tế tiếng Anh hiện nay. Trong khi đó, Maclaren Napier tiếp tục cho biết người Việt Nam "sử dụng các loại thuyền buồm khác nhau trong buôn bán, đánh bắt cá, thu thập các biche-de-mer hoặc hải sâm, và tổ của chim yến trên các nhóm đảo gọi là quần đảo Paracels. Nhiều tàu trong số đó có nhà phía trên có mái che, theo đó một gia đình thường xuyên cư trú" (96). Có lẽ, Napier đã mắc phải nhầm lẫn khi tham khảo thông tin từ John Barrow cung cấp trong công trình của ông xuất bản trước đó về vấn đề này.

Trong bộ Bách khoa thư nổi tiếng "*Encyclopaedia Metropolitana*", các học giả cũng đề cập "Quần đảo Paracels (còn gọi là Pracel, gồm các đảo và bãi cạn), là một chuỗi các hòn đảo nhỏ đối diện với bờ biển này, được các cư dân Cochinchina thường xuyên lui tới (để đánh bắt hải sản - TG), việc tìm kiếm những đồ vật cũng được đồng hương của họ coi trọng, " (97). Mặc dù thông tin cung cấp khá ít ỏi nhưng đã cho chúng ta biết, vùng biển của quần đảo Hoàng Sa không chỉ là ngư trường của ngư dân Việt Nam mà còn là nơi diễn ra hoạt động thu lượm các loại đồ vật của các tàu đắm dạt vào các đảo của quần đảo này. Sự ghi nhận này cho thấy, trong nhận thức của người phương Tây, quần đảo Hoàng Sa hoàn toàn thuộc về Việt Nam và là vùng biển đánh bắt hải sản truyền thống của ngư dân Việt Nam. Vài năm sau, trên tấm bản đồ số 27 "*South Eastern Asia Birmah - China - Japan*" của Lowry, quần đảo Hoàng Sa được vẽ vào khoảng 15^0 vĩ độ Bắc và 112^0 kinh độ Đông nằm ngay ngoài khơi ngang với Huế kéo xuống Cham Callo (Cù Lao Chàm) với dòng chữ Parcel R. (bãi cạn Hoàng Sa) và nhóm đảo Amphitrite (nhóm đảo An Vĩnh) cùng bãi cạn Macclesfield (98) còn các thực thể của quần đảo Trường Sa hoàn toàn không xuất hiện trên tấm bản đồ này cả về dấu hiệu và định danh địa lý. Ngay sau đó, tiến sĩ Gutzlaff, hội viên của Hội Địa lý hoàng gia London khi viết về Cochinchina đã phản ánh "Đáng lẽ chúng ta không cần kể ra ở đây quần đảo Paracels (Katvang), cách bờ biển xứ An

Nam chừng 15 đến 20 dặm, trải rộng trên 15^0 đến 17^0 vĩ độ Bắc và 111^0 đến 113^0 kinh độ Đông, nếu nhà vua xứ Cochinchina đã không đòi hỏi quền sở hữu của mình đối với các đảo đó, với nhiều đảo và các bãi đá ngầm rất nguy hiểm cho những nhà hàng hải " (99).

Từ giữa thế kỷ XIX trở đi, nhận thức của người châu Âu càng trở nên đầy đủ và phong phú về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam ở giữa Biển Đông. Trong tập 7 của bộ "*The Encyclopaedia Britannica*", các tác giả phản ánh về người dân xứ Cochinchina "sử dụng các loại thuyền khác nhau trong buôn bán, đánh bắt cá, và trong việc thu thập các biche-de-mer hoặc hải sâm, và tổ chim ở các đảo gọi là Paracels" (100). Hay Paracels "gồm một chuỗi các đảo, các bãi đá ở vùng Biển Đông, trong khoảng từ 15^0 46' đến 17^0 8' vĩ độ Bắc và 111^0 10' đến 112^0 44' kinh độ Đông, cách Hainau (Hải Nam) 15 dặm về phía Đông Nam, và cách một khoảng tương tự từ phía bờ biển của Cochinchina. Chúng tạo thành từ một số nhóm, chủ yếu là nhóm Discovery, Amphitrite, và Voadore. Về mặt chính trị, quần đảo này được coi là thuộc về đế chế Annam. Ở quần đảo này có nhiều loài rùa và cá, một số hòn đảo lớn còn được che phủ bởi cây cối, Quần đảo là nơi khai thác, đánh bắt cá của xứ Cochinchina" (101). Đến năm 1866, khi những thông tin mới về quần đảo Paracels liên tục được cập nhật, Charles Knight đã mô tả về quần đảo này như sau: "trong số này có một nhóm các bãi đá ngầm nhỏ được gọi là Triangles, và bãi cạn nguy hiểm Macclesfiel. Những con tàu mắc cạn ở đây không chỉ phải khiếp sợ trước biển động dữ dội mà còn phải hứng chịu những đợt tấn công dữ dội của người Cochinchina, những kẻ chèo thuyền ngược xuôi nhanh như gió tìm kiếm và cướp bóc các xác tàu một cách không thương tiếc, Gần 400 dặm dọc theo bờ biển này là các bãi cạn Paracel, nơi được mô tả như một lục địa tràn nằm ngay dưới mặt nước" (102). Điểm đặc biệt là Knight đã đề cập đến quần đảo Paracel nằm hoàn toàn ở mục Cochinchina còn được gọi bằng tên Anam (An Nam). Đến những năm cuối của thế kỷ XIX, trên bản đồ "*Siam and the Malay Archipelago No.84*", lãnh thổ Việt Nam được thể hiện trên bản đồ này với tên gọi là Anam (An Nam) và quần đảo Hoàng Sa với các nhóm đảo được thể hiện trong khoảng 16^0 vĩ độ Bắc và 111^0 đến 115^0 kinh độ Đông gần với bờ biển từ Huế xuống Quảng Ngãi. Quần đảo Trường Sa gồm các thực thể của nó được thể hiện giữa Biển Đông, tách biệt hoàn toàn với quần đảo Hoàng Sa ở phía Bắc (103). Có thể nói đây là một trong những tấm bản đồ đẹp và đầy đủ thông tin chỉ dẫn địa lý nhất về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở trong thế kỷ XIX.

3. Nhận xét

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền hải thương thế giới trong các thế kỷ XVII, XVIII, XIX, hiểu biết của người phương Tây về các quốc gia, các dân tộc trên thế giới ngày càng phong phú thông qua sự phản ánh của các công trình địa lý, lịch sử, du ký hàng hải và các tấm bản đồ. Đặc biệt, với đường bờ biển dài nhiều hải cảng thuận lợi và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đầy nguy hiểm án ngữ giữa Biển Đông, Việt Nam có lợi thế và khả năng ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động hải thương Âu - Á đi qua vùng biển này nên càng được người châu Âu quan tâm phản ánh với tần suất ngày càng nhiều. Mặc dù vậy, trong nhận thức của người châu Âu suốt thế kỷ XVII - XVIII, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa hiện lên một cách khá mơ hồ như một tập hợp các bãi cạn, bãi ngầm rất nguy hiểm trải dài ngoài khơi từ vùng

biển Đà Nẵng xuống phía Nam mà phần đuôi của nó sát gần với Côn Đảo và được gọi chung là Pracel, Paracels Sholes Pracel, Shoal of Paracels. Chúng như là một cái bẫy khó lường được giăng ra trên tuyến hải thương quốc tế Biển Đông buộc cho tàu thuyền khi di chuyển phải luôn bám sát vào bờ biển Đàng Trong nếu không muốn bị mắc cạn hoặc tai nạn đắm tàu. Mặc dù vậy, trong con mắt của họ, vùng Biển Đông và quần đảo Paracels là ngư trường đánh bắt hải sản và thu lượm các hóa vật của các con tàu đắm của ngư dân Đàng Trong.

Bước sang thế kỷ XIX, nhiều cuộc thám hiểm, đo vẽ diễn ra liên tục ở quần đảo Paracels đã làm thay đổi căn bản nhận thức của phương Tây về hai quần đảo này. Trên các bản đồ, quần đảo Hoàng Sa vẫn được gọi là Paracels với sự hiện diện của các nhóm đảo chính của nó như Amphitrite, Crescent và bãi cạn Macclesfield, Và, tách bạch với quần đảo Paracels về phía Nam, là các thực thể của quần đảo Trường Sa ngày nay với các tên gọi khác nhau. Đặc biệt, quần đảo Hoàng Sa với các thực thể của nó đã được xác định tọa độ địa lý cùng đặc điểm nhận diện. Từ các tư liệu cho thấy, người châu Âu khẳng định quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và vùng biển thuộc hai quần đảo này là nơi lui tới thường xuyên của ngư dân Đàng Trong đồng thời chúng thuộc về sự quản lý của đế chế An Nam hoặc Cochinchina.

CHÚ THÍCH

(*). Nghiên cứu này kế thừa một phần nguồn tư liệu tiếng Anh của đề tài khoa học cấp Bộ mã số B2019-TTB-04.

(1). John Speed: Bản đồ *ASIA, with the islands adioyning described, the atire of the people, & townes of importance, all of them newly augmented by I.S. Ano. Dom 1626*. Published by Thomas Bassett and Richard Chiswell, London, 1676.

(2). Pieter van den Keere: *A map of East India*. Amsterdam, Holland, 1676.

(3), (4), (5). William Dampier: *A new voyage round the world*, Vol I. Prined for James Kapton, at the Crown in St Pauls Church-yard, London, 1697, pp. 389, 404, 405.

(6), (7), (8). William Dampier: *A new voyage round the world*, Vol 2. Prined for James Kapton, at the Crown in St Pauls Church-yard, London, 1697, pp. 6, 9, 105.

(9). William Dampier: A Map of the East Indies, trong *A new voyage round the world*, Vol I. Prined for James Kapton, at the Crown in St Pauls Church-yard, London, England, 1697, pp. 282 - 283.

(10). Robert Morden: ASIA, in trong *Geography rectified, or a description of the worl*. London, England, 1703, pp. 237.

(11), (12), (13), (14), (15), (92). Alexander Hamilton: *A new account of the East Indies, being the observation and remarks*, Vol II. Printed by John Mosman One of his Majesty's Printer, and fold at the King's Printing-house in Craig's Clofs, Edinburgh, 1727, pp. 208, 209, 209, 209, 210, 210.

(16). Herman Moll: A map of the continent of the East-Indies &c No.38, in trong bộ *Atlas minor, or a new and curious set of sexty-two maps*. Printed for Thos. Bowles in St. Pauls Church Yard & John Bowles at the Black Horse in Cornhill, London, 1732, 1736, pp. 38.

(17). Herman Moll: *A chart of East-Indies with the coast of Persia, China also the Philipina, Moluca and Sunda Islands, &c by Herman Moll Ggeographer*. Printed for and sold by Thomas Osborne of Grays Inn, Vol. VII, London, 1745.

(18). Emanuel Bowen: A new and accurate map of the Empire of the Great Mogul, No.43, 1750, in trong bộ *A complete atlas, or, Distinct view of the known world*. London, 1752.

(19), (20), (21), (22), (23). *The History of China. Upon the Plan of Mr Rollin's Ancient History* (translated from the French). Printed for J. and P. Knapton in Ludgate-stress, London, 1755, pp. 337, 338, 338, 339, 339.

(24), (25), (56). Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*. Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007, tr. 155, 150 -151, 155.

(26). Đỗ Bá: Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư in trong *Hồng Đức bản đồ* (1490). Bản dịch lưu tại ủy ban Biên giới Quốc gia, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 1686, tr. 26.

(27). Thích Đại Sán: *Hải ngoại kỷ sự* (Sử liệu

nước Đại Việt thế kỷ XVII). Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam, Viện Đại học Huế, 1963, tr. 125.

(28), (29). *The Modern part of an Universal history from the earliest account of time*, Vol VII. Printed for S.Richardson, T. Osborne, C. Hitch, A. Millar, John Rivington, S. Crowder, P. Davey and B. Law, T. Longman, and C.Ware, London, 1759, pp. 450.

(30), (31). Thomas Kitchin: East Indies, trong bộ bản đồ *Guthrie's new geographical grammar*. Published by William Guthrie, London, 1770.

(32). Thomas Kitchin: A Map of the East India Islands, trong bộ bản đồ *Millar's New Complete & Universal System of Geography*, London, 1770.

(33). Jean Palairet: *A map of Asia, with its princila divisions*. London, 1774.

(34), (35), (36), (37), (38). *Encyclopaedia Britannica*, the Second Edition, Vol. III. Printed for J. Bafour and Co. W. Gordon, J. Bell, J. Dickson, C. Elliot, W. Creech, J. McClies H, A. Bell, J. Hutton, and C. Macfarquhar, Endinburgh, 1778, pp. 2049, 2049, 2049, 2343, 2343.

(39). Thomas Bowen: A new & accurate map of Asia, trong C. Middleton: *A new and complete system of geography*. Printed for J. Cooke, London, 1777 - 1778.

(40). Gutherie: Asia from the best Authorities, trong bộ *A new geographical, historical and commercial grammar, and present State of the several Kingdoms of the world*. Published by Ch. Dilly; GGJ. And J. Robinson, London, 1785, 1787.

(41). Robert Laurie, James Whittle: *A new general map of the East Indies*. Published by Laurie & Whittle, 53 Fleet Strees, London, 1794.

(42). Thomas Kitchin: *A general map of the East Indies and that part of China where the Europeans have any settlements or commonly any trade by T.Kitchin, Geogr*. Published by R. Laurie & J. Whitte, London, 1795.

(43). Macartney tên đầy đủ là George Macartney sinh năm 1737 và mất năm 1806. Năm 1792, ông được cử làm đại sứ Anh đến Trung Quốc trên hai con tàu có tên là Lion, Hindostan và một tàu có buồm là Jackall để thực hiện đàm phán với vương triều Càn Long về quan hệ giữa hai nước. Theo đoàn đi sứ còn có George Staunton - người được Macartney lựa chọn làm cánh tay phải của mình và John Barrow cùng các thủy thủ đoàn.

(44). George Staunton tên đầy đủ là George Leonard Staunton sinh năm 1737 và mất năm 1801. Ông là thành viên của đoàn đại sứ Anh đến Trung Quốc trong những năm1792 - 1794 do chính Macartney lựa chọn. Trong chuyến công cán này, ông còn dẫn theo người con trai của mình tên là George Thomas Staunton.

(45). George Staunton: *An historical account of the Embassy to the Emperor of China, undertaken by order of the King of Great Britain*. Printed for John Stockdale, Piccadilly, London, 1797, pp. 152.

(46). George Staunton: *An abridged account of the Embassy to the Memperor of China, undertaken by order of The King of Great Britain*. Printed for John Stockdale, Piccadilly, Price 3s. 6d. in Boards, London, 1797, pp. 100.

(47). Robert Laurie, James Whittle: *Asia and its islands according to D'Anville*. Published by Laurie & Whittle, N^0.53 Fleet Street, Feb, 2d, London, 1799.

(48). Robert Laurie, James Whittle: *Asia with its islands and different regions*, Published 12th May by Laurie & Whittle, N^0.53 Fleet Street, London, 1799.

(49), (50). Thomas Pennant: *The view of the India extra Gangem, China and Japan*, Vol VIII. Printed by Luke Hanfard, Great Turnstile, Lincoln's Inn Fields; and sold by John White, Horace's head, fleet street, London, 1800, pp. 71.

(51). Thomas Brown: A New and Accurate Map of the Islands and Channels between China and New Holland, No.28, trong bộ *A general atlas being a collection of maps of the world & quarters, the various empires, kingdoms & states &c in the known world*. Published by Thomas Brown, Edinburgh, 1801, 1808.

(52). John Pinkerton, S. Vince: *Modern Geography. A Description of the empires, kingdoms, stares, and colonies with the oceans, seas, and Isles in all parts of the world*, Vol II. Published by John Conrad, and Co. Philadelphia; M. and J. Conrad and Co. Baltimore, Rapin, Conrad and Co. Washington City; Somervell and Conrad, Petersburg; Bonsal, Conrad and Co. Norfolk; Bernard Dornin, New York; Whiting, Bachus, and Whiting, Albany; Samuel Pleasants, Richmond; Beers and howe, New Haven; Crow and Query, Charleston, S.C. H. Maxwell, Printer, No 25, North Second Stress, London, 1804, pp. 178.

(53). John Pinkerton, S. Vince: *Modern Geography. A Description of the empires, kingdoms, stares, and colonies with the oceans, seas, and Isles in all parts of the world*. Printed for T. Cadell and W. Davies, Strand; and Longman, press, and ormr, Paternoster Row, London, 1806, pp. 392.

(54), (55). John Barrow: *A Voyage to Cochin China in the years 1792 and 1793*. Printed for T.

Cadell and W. Davies in the Strand, London, 1806, pp. 319, 341.

(57). J. Delacour, P. Jabouile: *Oiseaux des Ils Paracels*. Gouvernement Général de l'Indochine, Saigon, 1930.

(58). C. Taylor: *The Literary panorama*, Vol I. Printed by Cox, Son, and Baylis, Great Queen street, London, 1807, pp. 50 - 51.

(59). *Encyclopaedia Londinensis or Universal dictionary of Arts, Sciences and Literature*, Vol IV. Printed for the Proprietors, by J. Adlard, Duke stress, west smithfield: sold at the encyclopaedia office, ave maria lane, st. Paul's, by J. white, fleet stress and champante and whitrow, jewy stress, aldgate, London, 1810, pp. 725.

(60), (61). James Playfair: *A system of geography, ancient and modern*, Vol V. Printed for Petter hill, Edinburgh and J. Murray, Fleet street, London, 1813, pp. 636, 637.

(62). Carey Mathew: *Asia according to the best authorities*. Philadelphia, USA, 1814.

(63). John Pinkerton, John Samuel Neele, Thomas Dobson and Son: ASIA, trong tập bản đồ *Pinkerton's modern atlas*. Philadephila, USA, 1818.

(64), (65) (66), (67). John White: *A voyage to Cochinchina*. Printed for Longman, Hurst, Rees, Orme, Brown, and Green, Paternoster-row, London, 1824, pp. 95, 95, 96, 96.

(68). Thomas Keith: *A System of Geography for the use of school on an entirely new plan*. Printed for Longman, Rees, Orme, Brown, and Green; R. Scholey; Sherwood and Co.; G.B. Whittaker and Hamilton, Adams and Co., London, 1826, pp. 636 - 637.

(69). M. Malte Brun: *Universal geography, or a description of all the parts of the World*, Vol II. John Laval and S.F. Brandford, Philadelphia, 1829, pp. 286.

(70). M. Malte Brun, James G. Percival: *A system of universal geography*, Vol I. Printed and published by Samuel Walker, Boston, 1834, pp. 550.

(71). David Brewster: *The Edinburgh Encyclopaedia, Science and the Arts*, Eighteen volumes, Vol VI. Published by Joseph, Edward Parker, William Brown, Printer, Philadelphia, 1832, pp. 560.

(72). Henry Teesdale: *ASIA*. London, 1834.

(73), (74), (75), (76), (77), (78), (79), (80), (81), (82), (83), (84), (85), (86), (87), (88), (89), (90), (91), (93) James Horsburgh: *India directory, or Directions for salling to and from the East Indies, China, Autralia, cape of good hope, Brazil and the Interjacent ports*, Volume Second, Fourth Edition. W.H. Alien and Co., Booksellers to the Honourable East India Company, No.7, Leadenhall Street, London, 1836, pp. 268, 319, 331, 331, 331, 331, 331, 331, 332, 332, 332, 332, 332, 332, 333, 333, 333, 333, 333, 333 - 334.

(94), (95). John Arrowsmith: ASIA by J. Arrowsmith N^{0}27, trong bộ bản đồ *Arrowsmith's London Atlas*, Vol. 3. Printed 14 Feby by J. Arrowsmith, 33 East St. Red Lion Square London, 1834, 1840.

(96). Maclaren Napier: *The Encyclopaedia Britannica*, Seventh Edition, Volume VII, part I. Printed for Adam and Charles Black, Edinburgh; Simpkin and Marshall, Whittaker, treacher, and Co, and Hamilton, Adams and Co, London; John Cumming, Dublin, 1842, pp. 13.

(97). Edward Smedley, Hugh James Rose, Henry John Rose: *Encyclopaedia metropolitana or Universal dictionary of Knowledge*, Volume XVI. B. Fellowes, F. and J. Rivington, Duncan and malcolm, suttaby and co; E. Hodgson, J.Dowding, G. Lawford, J.M. Richardson, J. Bohn, T. Allman, J. Bain, S. Hodgson, F.C. Westley, L.A. Lewis, T. Hodges and H. Washbourne, Also J.H. Parker and T. Laycock, Oxford; and J, And J.J. Deighton, Cambridge, London, 1845, pp. 780.

(98). W.J. Lowry: South Eastern Asia Birmah - China - Japan No. 27, 1848, in trong *Sharpe's corresponding atlas comprising fifty four maps*. Printed by Chapman and Hall, 186 Strand, London, 1899.

(99). Dr. Gutzlaff: Geography of Cochinchinese Empire, in trong *The Journal of the Royal Geographical Society of London*. London, 1849, pp. 93.

(100). *The Encyclopaedia Britannica*, Eighth Edition, Vol VII. Adam and Charles Black, Edinburgh, Scotland, 1854, pp. 50.

(101). *Gazetteer of the World, or Dictionary of geographical knowledge, compiled from the most recent authorities*, Vol V. A Fullarton and Co. Stead's place, Edinburgh, 106 Newgate stress, London; and 22 Eustace street, Dublin, Luristan - Pertusa, 1856, pp. 779.

(102). Charles Knight: *Geography or First Division of "The English Encyclopedia"*, Volume II. Bradbury, evans, and Co, 11, Bouverie St., Fleet St., E.C. Scribner, Welford, and Co., 654, Broadway, New York, London, England, 1866, pp. 521.

(103). Richard Andree: Siam and the Malay Archipelago, N0.84, trong bộ "*The Times*" *Atlas containing 117 pages of maps, and comprising 173 maps and an alphabetical index to 130,000 names*. Published by The Times Atlas, Printing House Square, London, 1893, 1895.